SỞ Y TẾ
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 382/TB-BVĐKT

*Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 8 năm 2017*

# THÔNG BÁO
## Kết quả điểm xét tuyển viên chức y tế năm 2017

Căn cứ Kế hoạch số 1130/KH – SYT ngày 14/6/2017 của Sở Y tế về Kế hoạch tuyển dụng viên chức y tế năm 2017;

Thực hiện Công văn số 1135/SYT – TCCB ngày 14/6/2017 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức y tế năm 2017;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành các quy trình xét tuyển và đến nay đã có kết quả điểm xét tuyển danh sách thí sinh tham dự xét tuyển viên chức y tế năm 2017.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh xin thông báo điểm xét tuyển danh sách thí sinh tham dự xét tuyển viên chức y tế năm 2017 (có danh sách kèm theo); Thông báo và danh sách điểm xét tuyển được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế, Cổng Thông tin điện tử Bệnh viện Đa khoa tỉnh và niêm yết tại Phòng TCCB – Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày niêm yết, các thí sinh tham dự xét tuyển nếu có đơn đề nghị phúc khảo xin gửi về Bệnh viện Đa khoa tỉnh (qua Phòng Tổ chức cán bộ) để được xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***
- Cổng TTĐT SYT, BVĐKT;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, TCCB.

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**
**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**

BỆNH VIỆN TỈNH HÀ TĨNH

**Nguyễn Viết Đồng**

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phuc**

# KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN CỦA CÁC THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂNVIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2017

| Số BD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | | Quê quán | Trường đào tạo | Điểm xét tuyển | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | Điểm TBC các môn học (thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm TBC các môn thi TN(thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm học tập đào tạo theo hệ tín chỉ (thang điểm 100, hệ số 2) | Điểm phỏng vấn (Thang điểm 100, hệ số 2) | Tổng điểm | |
| *1* | | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 | Nguyễn Thị Kiều | Anh | | 16/02/1992 | Thạch Bằng - Lộc Hà - Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 74.5 | 92 | | | 166.5 | Không tham dự phỏng vấn |
| 2 | Dương Công | Bằng | 24/02/1993 | | Thạch Đồng - Thạch Hà - Hà Tĩnh | Học viện Quân Y | 71.1 | 77.6 | | | 148.7 | Không tham dự phỏng vấn |
| 3 | Mạnh Trọng | Bằng | 13/11/1993 | | Thị trần Quỳ Hợp - Nghệ An | Đại học Y Hà Nội | 78 | 95 | | | 173 | Không tham dự phỏng vấn |
| 4 | Lê Bá Khánh | Chi | 15/12/1993 | | Thị xã Hoàng Mai - Nghệ An | Đại Học Y Hà Nội | 67.5 | 68 | | 192 | 327.5 | |
| 5 | Nguyễn Duy | Cường | 20/10/1991 | | Tùng Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh | Đại học Y Thái Nguyên | | | 137.4 | 189 | 326.4 | |

| Số BD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | | Quê quán | Trường đào tạo | Điểm xét tuyển | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | Điểm TBC các môn học (thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm TBC các môn thi TN(thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm học tập đào tạo theo hệ tín chỉ (thang điểm 100, hệ số 2) | Điểm phỏng vấn (Thang điểm 100, hệ số 2) | Tổng điểm | |
| *1* | | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 6 | Đặng Quốc | Dũng | 26/8/1993 | | Xuân An - Nghi Xuân- Hà Tĩnh | Đại học Y khoa Vinh | 77.2 | 86.7 | | | 163.9 | Không tham dự phỏng vấn |
| 7 | Lê Thị Minh | Hằng | | 1/2/1993 | Thị trấn Can Lộc - Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 81.6 | 91.7 | | | 173.3 | Không tham dự phỏng vấn |
| 8 | Nguyễn Chân | Hoàng | 28/3/1993 | | Thạch Thanh - Thạch Hà - Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 81.6 | 92 | | 190 | 363.6 | |
| 9 | Trương Thị Thanh | Hồng | | 30/1/1993 | Thạch Linh - Thành Phố Hà Tĩnh | Học viện Quân Y | 70.8 | 75.2 | | 115 | 261 | |
| 10 | Đào Thị Thu | Hương | | 27/1/1993 | Thạch Đài - Thạch Hà - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 77 | 70 | | | 147 | Không tham dự phỏng vấn |
| 11 | Phan Thị Quý | Linh | | 26/11/1993 | Đức Dũng - Đức Thọ - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 71.2 | 66.7 | | | 137.9 | Không tham dự phỏng vấn |
| 12 | Lê Thị | Loan | | 6/6/1993 | Hồng Lộc - Lộc Hà - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 80.3 | 95 | | 125 | 300.3 | |
| 13 | Trần Thị | Lương | | 27/1/1993 | Cẩm Thành - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 80.8 | 86.7 | | | 167.5 | Không tham dự phỏng vấn |

| Số BD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | | Quê quán | Trường đào tạo | Điểm xét tuyển | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | Điểm TBC các môn học (thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm TBC các môn thi TN(thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm học tập đào tạo theo hệ tín chỉ (thang điểm 100, hệ số 2) | Điểm phỏng vấn (Thang điểm 100, hệ số 2) | Tổng điểm | |
| *1* | | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 14 | Phan Thuỳ | Như | | 28/11/1993 | Nghĩa Đàn - Nghệ An | Đại học Y Hải Phòng | 68.1 | 77.7 | | 102 | 247.8 | |
| 15 | Hoàng Thị | Oanh | | 20/6/1993 | Tượng Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 75.6 | 76 | | 181 | 332.6 | |
| 16 | Thân Thị | Phương | | 2/9/1993 | Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 77.5 | 83.3 | | | 160.8 | Không tham dự phỏng vấn |
| 17 | Nguyễn Thị Minh | Quý | | 2/3/1993 | Đức La - Đức Thọ - Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 74 | 70.7 | | 182 | 326.7 | |
| 18 | Nguyễn Thị | Thắm | | 10/2/1993 | Thạch Linh - Thành Phố Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 83.9 | 95 | | 120 | 298.9 | |
| 19 | Trần Thị | Thuỳ | | 24/12/1993 | Kỳ Tân - Kỳ Anh - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 80.6 | 80 | | 115 | 275.6 | |
| 20 | Trần Đăng | Toàn | 6/7/1992 | | Cẩm Thạch - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 68.6 | 63.3 | | | 131.9 | Không tham dự phỏng vấn |
| 21 | Phạm Thị Hà | Trang | | 24/4/1993 | Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh | Đại học Y Dược Huế | 75 | 76.7 | | | 151.7 | Không tham dự phỏng vấn |

| Số BD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | | Quê quán | Trường đào tạo | Điểm xét tuyển | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | Điểm TBC các môn học (thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm TBC các môn thi TN(thang điểm 100, hệ số 1) | Điểm học tập đào tạo theo hệ tín chỉ (thang điểm 100, hệ số 2) | Điểm phỏng vấn (Thang điểm 100, hệ số 2) | Tổng điểm | |
| *1* | | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 22 | Thái Thị Huyền | Trang | | 4/6/1993 | Ngọc Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh | Học viên Quân Y | 68.6 | 63.8 | | 191 | 323.4 | |
| 23 | Tô Thị | Trang | | 13/4/1993 | Thiên Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh | Đại học Y Vinh | 81.1 | 83.3 | | | 164.4 | Không tham dự phỏng vấn |
| 24 | Phan Anh | Trúc | | 14/4/1993 | Phường Nam Hà - Thành phố Hà Tĩnh | Đại học Y Hà Nội | 72.5 | 55.3 | | 181 | 308.8 | |

*Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 8 năm 2017*

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**

BỆNH VIỆN TỈNH HÀ TĨNH

**Nguyễn Viết Đồng**